

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH TẾ,**  
**CHUYÊN NGÀNH ĐẤU THẦU VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 565/QĐ-HVCSPT ngày 17 tháng 7 năm 2019 của  
Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

**PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Kinh tế

Tên tiếng Anh: Economics

- Mã số ngành đào tạo: 7310101

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Kinh tế

Tiếng Anh: Bachelor in Economics

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:

Khoa Kinh tế, Học viện Chính sách và Phát triển

**1.2. Mục tiêu đào tạo:**

Đào tạo cử nhân đại học về Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về Đấu thầu và Quản lý Dự án; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

(2.1) Cử nhân Kinh tế được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý, quản trị kinh doanh và kinh tế học hiện đại; có kiến thức rộng về lý luận và thực tiễn của kinh tế thị trường; có đủ năng lực tham gia phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện áp dụng những Quy định pháp luật của Nhà nước về Đấu thầu và Quản lý dự án đối với kinh tế - xã hội trên phạm vi nền kinh tế, ngành và địa phương; đảm bảo các mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

(2.2) Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Đầu thầu và quản lý dự án có năng lực thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và xã hội, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát vấn đề, khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc trong chuyên môn.

(2.3) Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Đầu thầu và quản lý dự án có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

(2.4) Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Đầu thầu và quản lý dự án sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp trung ương và địa phương, đặc biệt trong lĩnh vực chính sách công, phát triển bền vững; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn; là cán bộ làm việc tại các dự án, các tổ chức phát triển và các doanh nghiệp; nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu.

(2.5) Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Đầu thầu và quản lý dự án khi tốt nghiệp đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

### **1.3. Thông tin tuyển sinh**

1.3.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh có đủ các điều kiện theo quy định của Điều 6 Quy chế tuyển sinh năm 2018 (kèm theo thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 1/3/2018) và đáp ứng các yêu cầu của Học viện được quyền ĐKXT.

1.3.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

1.3.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

- **Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia 2019:** Xét tuyển theo ngành, xét từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự nguyện vọng.
  - + Học viện xét tuyển đối với từng ngành theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
  - + Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp, sử dụng môn Toán làm tiêu chí phụ trong trường hợp có nhiều thí sinh cùng mức điểm xét tuyển.
  - + Kết thúc xét tuyển đợt 1 nếu còn chỉ tiêu, Học viện xét tuyển tiếp đợt bổ sung theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Xét tuyển kết hợp:** xét theo hồ sơ dự tuyển, chỉ tiêu xét tuyển chiếm không quá 20% chỉ tiêu mỗi ngành và tổng chỉ tiêu toàn Học viện. Cụ thể các đối tượng như sau
  - o Thí sinh có 3 môn/bài thi THPTQG năm 2019, trong đó có bài thi môn Toán và 02 môn/bài thi trong tổ hợp xét tuyển của Học viện đạt 18,0 điểm trở lên.
  - o Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL ITP 500 trở lên hoặc TOEFL iBT 61 trở lên và có tổng điểm 02 (hai) bài/môn thi THPTQG năm 2019 trừ bài thi Tiếng Anh đạt từ 12,0 điểm trở lên, trong đó có bài thi môn Toán.

1.3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo:

Tên trường Ngành học.	Mã ngành	Chỉ tiêu xét tuyển
<b>1. Kinh tế:</b> Gồm 04 chuyên ngành - Đầu tư - Đấu thầu và Quản lý Dự án - Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh - Kinh tế và Quản lý Công	7310101	240

1.3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Căn cứ trên ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện xây dựng phương án xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Tên trường Ngành học.	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Ghi chú

Kinh tế	7310101	Toán, Vật Lý, Hóa học Toán, Vật Lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh Toán, Vật lý, Ngữ Văn	240	<i>Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; sử dụng môn Toán làm tiêu chí phụ</i>
---------	---------	---	-----	--

1.3.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển: Học viện xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển, nhóm ưu tiên, khu vực ưu tiên...thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Học phí thu đào tạo theo hình thức tín chỉ thu theo quy định hiện hành của nhà nước đối với trường đại học công lập.

1.3.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

#### **1.4. Điều kiện nhập học**

Thí sinh đủ điểm trúng tuyển vào ngành Kinh tế sẽ nhận được giấy báo nhập học của Học viện Chính sách và Phát triển, trong đó có ghi ngày giờ đến nhập học và một số giấy tờ, thông tin cần thiết phải chuẩn bị, cụ thể:

- i. Bản gốc Giấy chứng nhận Tốt nghiệp THPT năm 2019. Nếu thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2019 thì nộp bản sao công chứng Bằng Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- ii. Học bạ THPT (*Bản chính*).
- iii. Bản sao công chứng giấy khai sinh;
- iv. Các giấy tờ pháp lý để xác nhận đối tượng ưu tiên (nếu có) như Thẻ thương binh của Bố/mẹ, Sổ thương binh của Bố/mẹ... Nộp bản sao có công chứng;
- v. Giấy báo nhập học của Học viện Chính sách và Phát triển;
- vi. Sổ Đoàn, giấy chuyển sinh hoạt Đảng (nếu có);
- vii. Giấy chuyển nghĩa vụ quân sự (đối với sinh viên là nam giới) về ban chỉ huy quân sự Quận Cầu Giấy, Hà Nội;
- viii. Bản sao công chứng Chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (*02 bản*);
- ix. Bản sao sổ hộ khẩu;

Thông tin chi tiết hướng dẫn thủ tục nhập học cho sinh viên trúng tuyển vào Học viện Chính sách và Phát triển được công bố theo đường link:

[http://apd.edu.vn/tin-tuc/-/asset\\_publisher/7p5mBgFRGTPq/content/huong-dan-lam-thu-tuc-nhap-hoc](http://apd.edu.vn/tin-tuc/-/asset_publisher/7p5mBgFRGTPq/content/huong-dan-lam-thu-tuc-nhap-hoc)

## **PHẦN 2: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### ***2.1. Về kiến thức***

#### ***a. Kiến thức cơ bản***

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

#### ***b. Kiến thức chuyên sâu***

6. Vận dụng các quy luật cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên vào việc phân tích và đề xuất các chính sách trong các lĩnh vực kinh tế, đầu thầu và quản lý dự án.

7. Hiểu công tác quản lý nhà nước về đấu thầu (phương thức, quy trình tổ chức đấu thầu... vận dụng các kiến thức chuyên môn về đấu thầu, quản lý dự án trên cấp độ nền kinh tế, ngành, địa phương và trên góc độ doanh nghiệp. Hiểu, vận dụng các quy định của pháp luật về đấu thầu, các hình thức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, các tình huống trong đấu thầu, các quy trình đấu thầu dự án trong nước và quốc tế tại các cơ quan ở phạm vi cả nước, ngành và doanh nghiệp.

8. Hiểu, vận dụng được cách thức hoạt động, vận hành của hệ thống đấu thầu qua mạng; đăng ký tư cách người dùng là bên mời thầu, bên nhà thầu trên hệ thống mạng

đấu thầu quốc gia; nắm vững kiến thức nghiệp vụ bên mời thầu và bên nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cũng như xử lý các tình huống phát sinh trong hoạt động đấu thầu qua mạng.

9. Hiểu và vận dụng vào thực tiễn các công cụ toán kinh tế, khoa học tự nhiên; nguyên tắc và những yêu cầu đối với hoạt động đấu thầu trong điều kiện mới để phát huy và đạt được mục đích của hoạt động đấu thầu đó là cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

10. Hiểu, vận dụng được các kiến thức chuyên môn trong hoạt động đấu thầu, quản lý dự án để lập được hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, quy trình đấu thầu mua sắm, đấu thầu xây lắp; lập hồ sơ thầu và chấm thầu, kiến nghị trong đấu thầu; quản lý được các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP; đánh giá được hồ sơ dự thầu, các hình thức Quản lý Dự án và các quy trình liên quan.

11. Hiểu được những vấn đề về đạo đức và rủi ro trong hoạt động đấu thầu; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có khả năng tư duy độc lập và năng lực tự tìm tòi, bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

## **2.2. Về kỹ năng**

### **2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp**

12. Kỹ năng phân tích, xử lý tình huống: Vận dụng tốt các kiến thức được trang bị để phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các hoạt động đấu thầu, quản lý dự án phát triển kinh tế xã hội, các dự án phát triển sản xuất kinh doanh, các hoạt động đầu tư trong doanh nghiệp; Có kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý tình huống trong đấu thầu, quản lý dự án, sáng tạo trong công việc.

13. Có kỹ năng làm việc độc lập: khả năng tự học, và nghiên cứu khoa học độc lập, tư duy phản biện, tư duy hệ thống; có kỹ năng làm việc và tổ chức công việc theo nhóm.

14. Có kỹ năng phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các hoạt động đấu thầu, quản lý dự án ở cấp độ doanh nghiệp, cấp độ nền kinh tế; nghiên cứu các vấn đề kinh tế dưới góc độ tác động của Đấu thầu và Quản lý Dự án

### **2.2.2. Kỹ năng mềm**

15. Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, tư vấn kinh tế, hùng biện, phản biện, tranh luận.

16. Có khả năng sử dụng Ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

17. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh

### **2.3. Về phẩm chất đạo đức**

18. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

19. Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật, có trách nhiệm trong công việc; có khả năng thích ứng trong môi trường nghề nghiệp mang tính cạnh tranh và quốc tế; có ý thức tự rèn luyện và nâng cao năng lực chuyên môn.

### **2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp**

*Nhóm 1 - Chuyên viên tư vấn đấu thầu, lựa chọn nhà thầu:* Có đủ năng lực làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp trung ương và địa phương; có thể đảm nhận các công việc cụ thể: Phân tích thực trạng, đánh giá hồ sơ liên quan đến đấu thầu; tham gia lập kế hoạch đấu thầu, chọn thầu; có thể tư vấn giải pháp, chính sách phục vụ cho việc đấu thầu, đặc biệt trong lĩnh vực chính sách công, phát triển bền vững; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn, chuyên viên và cán bộ quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước.

*Nhóm 2 - Cán bộ đấu thầu dự án hoặc cán bộ Quản lý dự án:* Có đủ năng lực làm việc tại các dự án, các tổ chức phát triển và các doanh nghiệp; có thể đảm nhận được các công việc cụ thể: Phân tích thực trạng, đánh giá hồ sơ liên quan đến đấu thầu; tham gia lập kế hoạch đấu thầu, chọn thầu; tổng hợp, nghiên cứu, phân tích và tham gia thực hiện việc đấu thầu và quản lý dự án; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia, chuyên viên, cán bộ quản lý tại các dự án, tổ chức.

*Nhóm 3 - Nghiên cứu viên và giảng viên:* Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận được các công việc cụ thể: giảng dạy các môn liên quan đến Kinh tế học; nghiên cứu, tư vấn về kinh tế, đấu thầu, quản lý dự án; triển vọng trong tương lai có thể trở thành các

chuyên gia nghiên cứu, giảng viên và cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục đào tạo và cơ sở nghiên cứu.

*Nhóm 4 - Nhân viên trong khu vực doanh nghiệp:* Có khả năng triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

### ***2.5. Các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thêm thông tin về CDR của CTĐT:***

CTĐT ngành Kinh tế chuyên ngành Đấu thầu và Quản lý Dự án năm 2019 được xây dựng trên cơ sở so sánh, tham khảo CTĐT của trường Đại học Giao thông vận tải và CTĐT của trường Kinh tế Quốc dân. Cử nhân chuyên ngành Đấu thầu và Quản lý Dự án phải có những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế học (tham khảo CTĐT của ĐH GTVT có các môn Kinh tế học, Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng...); các hoạt động trong lĩnh vực đấu thầu (tham khảo CTĐT của ĐH GTVT có môn học Quản lý hợp đồng trong xây dựng; tham khảo CTĐT của ĐH KTQD có môn học Đấu thầu, Quản lý hợp đồng); quản lý dự án (tham khảo CTĐT của ĐH GTVT Quản lý dự án đầu tư xây dựng; tham khảo CTĐT của ĐH KTQD có môn học Thẩm định dự án đầu tư), kinh tế - tài chính của doanh nghiệp (tham khảo CTĐT của ĐH GTVT có môn Tài chính doanh nghiệp) (*Phụ lục: chương trình đào tạo ngành trình độ đại học ngành Kinh tế xây dựng – Đại học Giao thông vận tải*).

Ngoài ra, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành Đấu thầu và Quản lý dự án năm 2019 được xây dựng trên cơ sở tham khảo chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Quản lý dự án của Đại học Kinh tế quốc dân. Bên cạnh chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ phù hợp với quy định chung của Học viện Chính sách và phát triển, CTĐT chuyên ngành Đấu thầu và Quản lý dự án năm 2019 xây dựng thêm chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ cho sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành này, với 11 chuẩn đầu ra về kiến thức, 6 chuẩn đầu ra về kỹ năng và 2 chuẩn đầu ra về thái độ.

## **PHẦN 3: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa:** 136 tín chỉ (không bao gồm các học phần giáo dục thể chất và quốc phòng), trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (chiếm 30%)



- Khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: 29 tín chỉ (chiếm 21%)
- Khối kiến thức cơ sở ngành lựa chọn: 6 tín chỉ (chiếm 4%)
- Khối kiến thức ngành bắt buộc: 12 tín chỉ (chiếm 9%)
- Khối kiến thức ngành lựa chọn: 4 tín chỉ (chiếm 3%)
- Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 28 tín chỉ (chiếm 20%)
- Khối kiến thức chuyên ngành lựa chọn: 6 tín chỉ (chiếm 4%)
- Khối kiến thức lựa chọn tốt nghiệp: 10 tín chỉ (chiếm 7%)

### 3.2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
<b>1. Giáo dục đại cương</b>			<b>41</b>	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	4
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	3	1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	2
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2	1
	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2	2
	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2	3
<b>2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành</b>			<b>29</b>	
1	CSCS11	Chính sách công	3	4
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	4
3	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	3
4	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
5	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	3
6	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
7	QTMC02	Marketing căn bản	3	3
8	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3
9	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
10	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
<b>3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành</b>			<b>6</b>	

1	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	3
2	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	2	4
3	TCCO20	Quản lý tài chính công	2	4
4	QTHO18	Quản trị học	2	4
5	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp	2	5
<b>4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành</b>			<b>12</b>	
1	KHCC06	Kinh tế công cộng	3	4
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	4
3	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	3
4	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3	4
<b>5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành</b>			<b>4</b>	
1	TCTH26	Thuế	2	5
2	CSHC05	Hành chính công	2	3
3	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	6
4	CSQL11	Quản lý công	3	3
5	QHXH10	Quy hoạch phát triển	3	6
6	ĐNTM09	Thương mại quốc tế	2	5
7	QHMT08	Kinh tế môi trường	3	3
8	KHKT07	Kinh tế phát triển	3	5
9	TCKH05	Kế toán tài chính	2	5
10	CSXH02	Xã hội học	3	4
11	QTCL02	Quản trị chiến lược	2	6
<b>6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành</b>			<b>28</b>	
1	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	3	6
2	QLMS04	Đấu thầu mua sắm 2	3	7
3	QLQM08	Đấu thầu qua mạng	3	6
4	ĐTĐG01	Giám sát và đánh giá dự án	3	7
5	QLHĐ01	Hợp đồng trong đấu thầu	3	7
6	QLHS03	Lập hồ sơ mời thầu và Đánh giá hồ sơ dự thầu	4	7
7	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3	6
8	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	5
9	KHCO09	Đầu tư công	3	4
<b>7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành</b>			<b>6</b>	
1	QLPT06	Đấu thầu phi tư vấn	2	5
2	QLTV09	Đấu thầu tư vấn	2	7
3	QLXL10	Đấu thầu xây lắp	2	7
4	QLKT01	Kế toán dự án	2	7
5	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	3	5
<b>8. Giáo dục chuyên nghiệp (Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp)</b>			<b>10</b>	
1	KLTN	Khoá luận tốt nghiệp	6	8
2	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
<b>TỔNG</b>			<b>136</b>	

### **3.3. Mô tả tóm tắt các học phần**

#### **3.1. Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP**

Học phần giúp sinh viên tiếp cận với hình thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để thực hiện, quản lý, vận hành dự án kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công; nắm rõ các quy trình, quy định về loại hình đầu tư PPP.

#### **3.2. Đầu tư công**

Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về đầu tư khu vực công, như: lý luận về đầu tư công và quản lý đầu tư công; nguồn vốn đầu tư công; quản lý và kế hoạch hóa đầu tư công; kết quả và hiệu quả đầu tư công; phương pháp lập dự án đầu tư công; thẩm định dự án đầu tư công; và đấu thầu công.

#### **3.3. Đấu thầu mua sắm 2**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về khái niệm, đặc điểm của các hình thức lựa chọn nhà thầu như: đấu thầu lựa chọn danh sách ngắn, đấu thầu rộng rãi, quy trình đấu thầu áp dụng các phương thức (1 giai đoạn – 1 túi hồ sơ, 1 giai đoạn – 2 túi hồ sơ... đối với các gói thầu dịch vụ phi tư vấn, tư vấn...); khái niệm, đặc điểm và quy trình đấu thầu hạn chế...; xử lý các tình huống trong đấu thầu và nắm được các khung hình phạt xử lý sai phạm trong đấu thầu.

#### **3.4. Đấu thầu qua mạng**

Học phần giúp học viên tiếp cận với hình thức đấu thầu qua mạng, có khái niệm về hình thức đấu thầu qua mạng, nắm được lợi ích của hình thức này; nắm rõ các chức năng của hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, cùng với đó nắm rõ các yêu cầu và nguyên tắc khi tham gia đấu thầu qua mạng; có khả năng tham gia đấu thầu qua mạng.

#### **3.5. Giám sát và đánh giá dự án**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về giám sát và đánh giá dự án, phục vụ các công tác như: quản lý thời gian, đảm bảo tiến độ, quản lý chi phí, phát hiện kịp thời những tình huống bất ngờ... thông qua các phương pháp và các loại hình giám sát, đánh giá dự án.

#### **3.6. Hợp đồng trong đấu thầu**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hợp đồng trong đấu thầu, các loại hợp đồng, các loại chi phí bảo lãnh; các quy định pháp luật về hợp đồng giúp học viên hiểu rõ tầm quan trọng của hợp đồng; các quy trình từ giai đoạn chuẩn bị đến khâu kí kết hợp đồng

#### **3.7. Lập hồ sơ mời thầu và Đánh giá hồ sơ dự thầu**

Học phần trình bày những vấn đề liên quan đến các bước lập hồ sơ mời thầu, các hình thức và các bước lập hồ sơ mời thầu; các quy tắc đánh giá hồ sơ dự thầu,

phương pháp đánh giá và quy trình đánh giá, các bên tham gia đánh giá cho từng loại gói thầu.

### **3.8. Quản lý dự án đầu tư**

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cần thiết về dự án đầu tư, giúp sinh viên nắm rõ mục đích và tầm quan trọng của việc quản lý dự án đầu tư, phân biệt được các hình thức quản lý dự án đầu tư; nắm rõ các bước triển khai từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư tới khi kết thúc đầu tư.

### **3.9. Thẩm định dự án đầu tư**

Học phần Thẩm định Dự án Đầu tư trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thẩm định dự án, bao gồm: vị trí và vai trò của công tác thẩm định dự án đầu tư; quy trình thẩm định dự án đầu tư, các phương diện và quan điểm phân tích dự án như phân tích tài chính dự án, phân tích kinh tế xã hội dự án. Đồng thời, học phần này cũng trang bị phương pháp thẩm định dự án và tiêu chí thẩm định để người học có đầy đủ các công cụ và phương pháp để thẩm định không chỉ các dự án sản xuất kinh doanh mà còn dự án đầu tư công.

### **3.10. Chính sách công**

Học phần giúp sinh viên nắm được những kiến thức về chính sách công và mối quan hệ giữa chính sách công và các chuyên ngành học khác. Học phần cũng có tập trung rèn luyện kỹ năng viết và thảo luận hiệu quả với các chủ đề của chính sách công như: Chủ thể hoạt động chính sách công, công cụ chính sách công, hoạch định chính sách công, thực thi và đánh giá chính sách công...

### **3.11. Chuyên đề thực tế**

Học phần hỗ trợ sinh viên đi khảo sát thực tế, nắm bắt thực trạng các vấn đề cơ bản trong kinh doanh, chọn và trình bày, đánh giá thực trạng cũng như đề xuất giải pháp cho một vấn đề dưới sự hướng dẫn của giáo viên chuyên môn. Qua đó, rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin, viết và trình bày báo cáo.

### **3.12. Đấu thầu mua sắm 1**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về đấu thầu nói chung, quy trình tham gia dự thầu và những kinh nghiệm nâng cao khả năng thắng thầu. Những quy trình về tổ chức đấu thầu trong nền kinh tế thị trường.

Học phần trang bị cho người học kiến thức để có thể trả lời được hai câu hỏi: Ở đâu và tại sao trong các hoạt động kinh tế. Học phần cũng giúp sinh viên nắm được một số đặc điểm kinh tế - xã hội của các khu vực tiêu biểu trên thế

giới, từ đó bổ sung vốn hiểu biết cho sinh viên, giúp người học rèn luyện tư duy phân tích, phản biện, giải quyết các vấn đề tổng hợp và liên ngành

### **3.13. Địa lý kinh tế**

Học phần trang bị cho người học kiến thức để có thể trả lời được hai câu hỏi: Ở đâu và tại sao trong các hoạt động kinh tế. Học phần cũng giúp sinh viên nắm được một số đặc điểm kinh tế - xã hội của các khu vực tiêu biểu trên thế giới, từ đó bổ sung vốn hiểu biết cho sinh viên, giúp người học rèn luyện tư duy phân tích, phản biện, giải quyết các vấn đề tổng hợp và liên ngành

### **3.14. Kinh tế lượng**

Học phần trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản sau: Cơ sở lý luận xây dựng mô hình kinh tế lượng đối với các biến lượng và được mở rộng cho các biến chất; Giải quyết các bài toán ước lượng và kiểm định liên quan; Phát hiện và khắc phục các khuyết tật của các mô hình hồi quy

### **3.15. Lý thuyết tài chính tiền tệ**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính ngân hàng, về chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để làm cơ sở cho việc nghiên cứu và học tập các môn chuyên ngành. Qua đó, giúp sinh viên kịp thời nắm bắt được thực trạng tình hình tài chính ngân hàng của thế giới cũng như tại Việt Nam. Trong quá trình học, sinh viên cũng được tạo cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày, đọc và phân tích tài liệu. Đây là những kỹ năng bổ sung cần thiết hỗ trợ sinh viên vận dụng tốt hơn những kiến thức được học vào công việc thực tế sau khi tốt nghiệp

### **3.16. Marketing căn bản**

Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng

như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh

### **3.17. Nguyên lý kế toán**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

### **3.18. Nguyên lý thống kê kinh tế**

Học phần được xây dựng trên nền tảng ứng dụng khoa học thống kê trong lĩnh vực kinh tế xã hội. Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành trong việc thu thập và xử lý dữ liệu thống kê nhằm đưa ra các nhận định về bản chất của các hiện tượng kinh tế xã hội trong các điều kiện không gian và thời gian cụ thể, phục vụ cho quá trình nghiên cứu và ra quyết định trong quản lý kinh tế xã hội. Với mục tiêu cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thống kê ứng dụng trong kinh tế xã hội, học phần phục vụ hữu hiệu cho sinh viên trong học tập và nghiên cứu các chuyên ngành thuộc khối kinh tế - xã hội; mặt khác cũng rất hữu ích cho các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý và hoạt động thực tiễn.

### **3.19. Kinh tế công cộng**

Học phần nghiên cứu về vấn đề hiệu quả kinh tế, vấn đề thất bại của thị trường và các chính sách can thiệp của Chính phủ, vấn đề bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập, nghèo đói và vai trò của chính phủ trong tái phân bổ thu nhập, vai trò của chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hóa, vấn đề lựa chọn công cộng và các công cụ chính sách của chính phủ khi can thiệp vào cơ chế thị trường.

### **3.20. Kinh tế đầu tư**

Môn học Kinh tế đầu tư là môn khoa học kinh tế thuộc lĩnh vực khoa học xã hội nghiên cứu các vấn đề kinh tế trong hoạt động đầu tư phát triển. Môn học cung cấp những kiến thức về kinh tế đầu tư một cách cơ bản như: khái niệm và bản chất của đầu tư; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và cách huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư; môi trường đầu tư; đầu tư công; phương pháp đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư; đầu tư quốc tế; đầu tư phát triển trong doanh nghiệp; quản lý đầu tư theo dự án

### **3.21. Kinh tế vi mô 2**

Học phần cung cấp kiến thức nâng cao trong nền kinh tế thị trường, các hành

vi và phản ứng của các doanh nghiệp và người tiêu dùng trong thị trường đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh chiến lược của mình để tối ưu hóa. Trong đó có hai vấn đề quan trọng là sự lựa chọn trong điều kiện rủi ro và cân bằng tổng thể.

### **3.22. Kinh tế vĩ mô 2**

Học phần Kinh tế vĩ mô 2 được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức cơ bản, kỹ năng đánh giá và phân tích các sự kiện kinh tế vĩ mô, góp phần cải thiện mức độ hiểu biết của học viên đối với quá trình xây dựng, thực thi các chính sách kinh tế vĩ mô ở các nước đang phát triển, và làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong các môn học ứng dụng sau này

### **3.23. Đấu thầu phi tư vấn**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về phân loại các gói thầu thực hiện đấu thầu phi tư vấn, quy trình tham gia đấu thầu phi tư vấn và những kinh nghiệm nâng cao khả năng thắng thầu đối với các gói thầu phi tư vấn, các văn bản pháp luật, quy trình quy định có liên quan đến các gói thầu phi tư vấn.

### **3.24. Đấu thầu tư vấn**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về phân loại các gói thầu tư vấn, quy trình tham gia đấu thầu tư vấn và những kinh nghiệm nâng cao khả năng thắng thầu đối với các gói thầu tư vấn, các văn bản pháp luật, quy trình quy định có liên quan đến các gói thầu tư vấn.

### **3.25. Đấu thầu xây lắp**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về các loại hình thuộc gói thầu xây lắp, quy trình tham gia đấu thầu tư vấn và những kinh nghiệm nâng cao khả năng thắng thầu đối với các gói thầu xây lắp, các văn bản pháp luật, quy trình quy định có liên quan đến các gói thầu xây lắp.

### **3.26. Kế toán dự án**

Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ năng quản lý những mảng liên quan đến dự án như hợp đồng, dự toán, hồ sơ thiết kế. Thực hiện theo dõi dự án theo tuần tự, bám sát hợp đồng để theo dõi tiến độ dự án, tổng hợp chi phí theo mỗi giai đoạn thực hiện dựa vào dự toán về tổng hợp chi phí, hạch toán khối lượng phát sinh...

### **3.27. Quản trị rủi ro**

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị rủi ro và sự vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp. Qua đó trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về rủi ro, các tình huống thực tế và quản trị các loại rủi ro.

### **3.28. Pháp luật kinh tế**

Học phần Pháp luật kinh tế trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế. Học phần đề cập đến những nội dung chính bao gồm: Những khái niệm cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh như địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, chế định hợp đồng, cơ chế giải quyết tranh chấp và vấn đề phá sản.

### **3.29. Phân tích báo cáo tài chính**

Giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức lý luận và kỹ năng cơ bản về Phân tích TCDN như đọc các BCTC; vận dụng các phương pháp và kỹ thuật phân tích trong thực tiễn. Biết kết hợp giữa phân tích tài chính cơ bản và khối kiến thức chuyên sâu về phân tích tài chính với các kiến thức bổ trợ từ các chuyên ngành đào tạo của Học Viện để hình thành các kỹ năng phát hiện, đánh giá và giải quyết các vấn đề cốt lõi về quản trị tài chính phát sinh ở mỗi đơn vị như: phân tích cơ bản, phân tích báo cáo tài chính, phân tích rủi ro, sử dụng thành thạo, có hiệu quả các công cụ phân tích tài chính vào quản trị tài chính trong từng bối cảnh cụ thể.

### **3.30. Phân tích tài chính công**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác quản lý tài chính công, quản lý ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công, quản lý các quỹ ngoài ngân sách nhà nước, quản lý tài chính cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp, quản lý nợ công. Giúp sinh viên kịp thời nắm bắt được tính hình quản tài chính công của thế giới cũng như tại Việt Nam. Đồng thời, giúp sinh viên nắm được những kiến thức, kỹ năng cần thiết có thể thực hiện công việc quản lý tài chính công ngay sau khi ra trường, giúp cho công việc quản lý tài chính công đạt hiệu quả nhất

### **3.31. Quản trị học**

Học phần Quản trị học cung cấp cho sinh viên về mặt lý thuyết, sinh viên hiểu được cách tiếp cận chiến lược, hệ thống, hội nhập và tình huống đối với các hệ thống xã hội, tổ chức và quản trị; các yếu tố môi trường mà nhà quản trị phải đối mặt trong công việc; tầm quan trọng của trách nhiệm xã hội và đạo đức trong quản trị; hiểu được các chức năng quản trị theo quá trình, bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Về mặt kỹ năng, thực hành, sinh viên xác định và phân tích được



các yếu tố môi trường mà các nhà quản trị phải đối mặt trong công việc của họ; Có khả năng ra quyết định để giải quyết các vấn đề gặp phải trong cuộc sống và công việc; Có thể tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát đối với một hệ thống, tổ chức nhất định.

### **3.32. Tài chính doanh nghiệp**

Học phần Tài chính doanh nghiệp phát triển khuôn khổ lý thuyết cho sự hiểu biết và phân tích các vấn đề tài chính quan trọng của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức những kiến thức cơ bản về tổ chức tài chính doanh nghiệp; sự vận động của luồng tiền vào, luồng tiền ra mà biểu hiện cụ thể của nó chính là chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định, nội dung các loại tài sản: Tài sản cố định, tài sản lưu động. Học phần bao gồm các mô hình định giá cơ bản phục vụ cho việc phân tích dự án đầu tư, cơ cấu vốn và các loại vốn mà doanh nghiệp sử dụng và việc đánh giá các quyết định quản lý khác nhau và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động doanh nghiệp

### **3.33. Kinh tế môi trường**

Học phần nghiên cứu về vấn đề hiệu của kinh tế môi trường, đánh giá các tác động của các tác nhân môi trường tương quan đến nền kinh tế, hiểu rõ các vấn đề về thuế ô nhiễm, hạn ngạch môi trường, các quy định nói chung về môi trường dưới góc nhìn kinh tế.

### **3.34. Kinh tế phát triển**

Học phần có nhiệm vụ giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tăng trưởng kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội cũng như các vấn đề về môi trường ở các nước đang phát triển. Học phần giúp sinh viên nắm bắt được những lý thuyết cơ bản cũng như những kiến thức thực tế (kinh nghiệm của các nước và các nghiên cứu thực nghiệm) về quá trình tăng trưởng và phát triển ở các nước này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể phân tích và đánh giá được thực trạng nền kinh tế và quá trình phát triển của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế Việt Nam một cách bền vững

### **3.35. Kế toán tài chính**

Học phần Kế toán tài chính (Kế toán doanh nghiệp) là môn học cung cấp những kiến thức tổng hợp cũng như chi tiết về các phần hành kế toán theo chế độ kế toán hiện hành. Giúp sinh viên nắm vững kiến thức trong môn học này sẽ giúp cho sinh

viên có những kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng làm việc trong lĩnh vực kế toán tài chính (Nhân viên kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính...).

### **3.36. Hành chính công**

Học phần trang bị cho sinh viên khái niệm về các hoạt động hành chính công, là các hoạt động mang tính quyền lực nhà nước, do các chủ thể được sử dụng quyền lực nhà nước tiến hành để quản lý công việc của Nhà nước nhằm phục vụ lợi ích chung, lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân; giúp sinh viên nắm rõ các đặc điểm tính chất của hành chính công.

### **3.37. Quản lý công**

Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm chung về quản lý công, liên quan đến hoạt động liên quan đến việc quản lý hành chính nhà nước và những công việc liên quan đến quản trị trong khu vực nhà nước. Cụ thể, đó là thu thập và phân tích các số liệu thống kê của nhà nước, giám sát quỹ, phát triển và thi hành chính sách của Chính phủ. Ngoài ra, sinh viên được trang bị thêm kiến thức và kỹ năng về nhiều nhiệm vụ khác nhau như biên tập chính sách hay quản lý cơ quan, tổ chức nhà nước...

### **3.38. Thị trường chứng khoán**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thị trường chứng khoán, các trình tự giao dịch, quy luật tăng giảm của chứng khoán, giúp sinh viên nắm được các tính chất của chứng khoán, có khả năng dự đoán thị trường đối với các yếu tố tác động chủ quan và khách quan.

### **3.39. Thuế**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thuế và các chính sách thuế hiện hành; Giúp sinh viên kịp thời nắm bắt được hệ thống chính sách thuế của Việt Nam và các nước trên thế giới. Sinh viên nắm được những kiến thức, kỹ năng cần thiết có thể thực hiện công việc liên quan đến thuế sau khi ra trường. Trong quá trình học, sinh viên cũng được tạo cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày, đọc và phân tích tài liệu. Đây là những kỹ năng bổ sung cần thiết hỗ trợ sinh viên vận dụng tốt hơn những kiến thức được học vào công việc thực tế.

### **3.40. Thương mại quốc tế**

Học phần giới thiệu tổng quan những vấn đề chung nhất về hoạt động thương mại quốc tế như các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thương mại quốc tế. Tiếp đến học phần đi sâu giới thiệu các lý thuyết thương mại quốc tế cổ điển và hiện đại, chính sách thương mại quốc tế và các công cụ của chính sách thương mại quốc tế được

các quốc gia sử dụng để điều tiết hoạt động thương mại quốc tế. Ngoài ra, học phần đi sâu giới thiệu về các vấn đề thương mại quốc tế đang diễn ra như hiệp định thương mại tự do và các vấn đề liên quan, hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam

#### **3.41. Xã hội học**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; và có kiến thức cụ thể và năng lực chuyên môn.

#### **3.42. Quản lý chiến lược**

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp. Qua đó trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược các mô hình quản trị chiến lược, nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp bao gồm: Hoạch định chiến lược; tổ chức thực hiện chiến lược; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp

#### **3.43. Quy hoạch phát triển**

Môn học nhằm giới thiệu về các khái niệm liên quan đến quy hoạch, trong đó tập trung vào 3 loại quy hoạch phổ biến nhất là quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch môi trường. Đồng thời, môn học cũng giới thiệu cách phân loại quy hoạch, mối quan hệ giữa các loại quy hoạch, những công cụ chính sử dụng trong quá trình quy hoạch và nội dung, quy trình thực hiện, quản lý quy hoạch. Sinh viên cũng được hướng dẫn tiếp cận và xây dựng nội dung quy hoạch cho 1 loại quy hoạch cụ thể tại Việt Nam

#### **3.44. Khóa luận tốt nghiệp**

Học phần giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn hoạt động kinh tế, kinh doanh; kết hợp kiến thức thực tiễn với kiến thức lý thuyết đã được trang bị, được đánh giá bằng khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên năm cuối.

#### **3.45. Thực tập tốt nghiệp**

Học phần giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn hoạt động kinh tế, kinh doanh; kết hợp kiến thức thực tiễn với kiến thức lý thuyết đã được trang bị. Sinh

viên năm cuối sẽ trực tiếp làm việc tại các đơn vị thực tiễn trong 8 tuần và đạt các yêu cầu trong quy chế đào tạo của Học viện

### **3.46. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ sở mở rộng, nâng cao, hiện đại hóa các kiến thức cơ sở đã được giảng dạy ở bậc đại học, tăng cường kiến thức liên ngành và trang bị chuyên sâu kiến thức về chuyên ngành chủ nghĩa xã hội khoa học, đảm bảo học viên có khả năng thực hiện công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác trong chuyên ngành được đào tạo. Sinh viên được nâng cao năng lực phân tích, tổng hợp, tăng cường khả năng phát hiện và xử lý các vấn đề nảy sinh trong lý luận và thực tiễn chính trị - xã hội để sau khi tốt nghiệp, học viên có thể hoàn thành tốt, với chất lượng cao những nhiệm vụ được giao phù hợp với chuyên môn được đào tạo.

### **3.47. Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cung cấp các lý luận về hàng hóa, tiền tệ, các quy luật chung về sự vận động của tư bản và các biểu hiện của giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh và chủ nghĩa tư bản độc quyền. Đồng thời, cũng cung cấp kiến thức về chủ nghĩa xã hội, lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa

### **3.48. Kinh tế vi mô 1**

Học phần Kinh tế học vi mô 1 được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường..

### **3.49. Kinh tế vĩ mô 1**

Học phần giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, trong đó trước hết là làm rõ các thuật ngữ, sau đó là các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô

### **3.50. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước

### **3.51. Lý thuyết xác suất và thống kê toán**

Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm về xác suất, các công thức tính xác suất; biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và luật số lớn; Các bài toán ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê. Qua đó sinh viên có thể vận dụng những kiến thức của học phần làm cơ sở toán học để nghiên cứu, phân tích và xử lý số liệu trong phân tích kinh tế, tài chính

### **3.52. Pháp luật đại cương**

Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích cấu trúc của bộ máy nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; một số nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự ...

### **3.53. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu từ khi hình thành ý tưởng nghiên cứu cho đến sản phẩm cuối cùng của nghiên cứu. Học phần cũng giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề khoa học, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Sinh viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Sinh viên sẽ phải thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế được tổ chức dưới dạng nghiên cứu nhóm, có biên soạn đề cương, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu

### **3.54. Tiếng anh cơ bản 1**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người mới bắt đầu như động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, các cách đặt câu hỏi để lấy thông tin ...; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước ...; Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học về cách phát âm các dạng của động từ “to be”, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu

### **3.55. Tiếng anh cơ bản 2**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người học ở trình độ cơ bản như động từ khuyết thiếu, thời hiện tại tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn giản, các cách đặt câu với dạng thức so sánh hơn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, cách mua sắm, cách giữ liên lạc; Cách phát âm các dạng của động từ to be, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

### **3.56. Tiếng anh cơ bản 3**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các mệnh đề tính từ và các trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn cách viết câu mở đoạn và câu kết đoạn trong một đoạn văn và phát triển viết một đoạn văn hoàn chỉnh bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai trong đoạn và câu kết đoạn; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và thực hành hội thoại nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; các hoạt động cuối tuần; các loại phương tiện giao thông; làm thế nào để giữ sức khỏe; phim ảnh; du lịch... Cấu trúc của bài thi TOEIC quốc tế. Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A2 – B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

### **3.57. Tiếng anh cơ bản 4**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như cấu trúc diễn đạt mong ước, ý định tương lai, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, câu điều kiện. Những từ vựng được sử dụng để miêu tả kỳ nghỉ, ước mơ, hoài bão, các đặc điểm tự nhiên,

địa lý. Kỹ năng làm bài thi TOEIC quốc tế: kỹ năng Đọc và Nghe. Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ nghe, đọc, nói, viết ở bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tương đương với 500 điểm bài thi TOEIC

### **3.58. Tin học đại cương**

Học phần cung cấp cho người học khả năng phân tích hệ thống thông tin nghiệp vụ liên quan trong nghề nghiệp tương lai nhằm tin học hóa các bài toán nghiệp vụ cũng như tham gia phát triển các dự án tin học hóa trong ngành tài chính – ngân hàng, chính sách công, tài chính công, quy hoạch phát triển, ...

### **3.59. Toán cao cấp**

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản liên quan đến không gian véc tơ n-chiều và có kỹ năng tính toán tốt đối với các phép toán về vectơ, ma trận, định thức và giải thành thạo hệ phương trình tuyến tính. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp kỹ năng cho sinh viên biết vận dụng hệ phương trình tuyến tính để xây dựng một số mô hình kinh tế đơn giản, như mô hình cân bằng thị trường nhiều hàng hóa, mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô; các kiến thức cơ bản về giải tích toán học như hàm số, giới hạn, đạo hàm, vi phân, tích phân hàm số một biến. Sinh viên được trang bị những kiến thức về cực trị của hàm nhiều biến và vận dụng vào giải các bài toán tối ưu trong kinh tế. Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị phương pháp giải phương trình vi phân cơ bản

### **3.60. Triết học Mác-Lê nin**

Học phần trang bị cho người học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận. Từ đó, giúp người học có quan điểm khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển, quan điểm thực tiễn khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng. Qua đó, hình thành nhân sinh quan khoa học, góp phần cải tạo thế giới phát triển hợp quy luật

### **3.61. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần cung cấp cho sinh viên phương pháp vận dụng lý luận để giải các vấn đề đặt ra từ thực tiễn và phương pháp bổ sung làm mới lý luận từ tổng kết thực tiễn của Hồ Chí Minh, qua đó giúp sinh viên hình thành kỹ vận dụng sáng tạo lý luận, kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn, kỹ năng đánh giá, tổng kết thực tiễn. Đồng thời, Cùng với học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

### **3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên**

#### **3.4.1 Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập**

Cố vấn học tập gặp mặt sinh viên đã nhập học, giới thiệu về chương trình, về kế hoạch đào tạo, chương trình hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập, rèn luyện. Trên cơ sở nắm vững chương trình đào tạo, cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn đăng ký các học phần phù hợp với điều kiện học tập của sinh viên và mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo; Cố vấn học tập hướng dẫn phương pháp học, nghiên cứu, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng bổ trợ cho sinh viên; thường xuyên theo dõi kết quả học tập của sinh viên; đồng thời giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn vướng mắc trong học tập; nhắc nhở sinh viên khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút. Cố vấn học tập còn phối hợp với phòng đào tạo, phòng chính trị và công tác sinh viên, các giảng viên và các đơn vị công tác liên quan để tạo điều kiện cho sinh viên học tập, đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên. Danh sách đội ngũ cố vấn học tập chương trình đào tạo cho các khóa như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh, Học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác
1	Nguyễn Thế Vinh	TS	Kinh tế	PGĐ
2	Nguyễn Thanh Bình	TS	Kinh tế	TK
3	Nguyễn Duy Đồng	TS	Kinh tế	GV
4	Nguyễn Việt Hưng	ThS	Kinh tế	GV
5	Mai Văn Sáu	ThS	Kinh tế	GV
6	Nguyễn Trần Phương	ThS	Kinh tế	GV
7	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	ThS	Kinh tế	TLK

#### **3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp**

Ngoài các giờ học và nghiên cứu khoa học, sinh viên khoa Kinh tế còn được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa của Khoa và của Trường, đặc biệt là hoạt động của các câu lạc bộ như câu lạc bộ tiếng Anh (AEC), câu lạc bộ tình nguyện, câu lạc bộ Truyền thông AMC, Câu lạc bộ nhạc cụ AIC, câu lạc bộ vũ điệu ADC, cộng đồng sinh viên APD,... giúp sinh viên rèn luyện và phát triển toàn diện các kỹ năng mềm. Khoa Kinh tế và Học viện luôn chú trọng tổ chức các chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên như chương trình Vô Địch tiếng Anh thường niên,



chương trình Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh thường niên, Chương trình vua bán hàng thường niên,... nhằm truyền cảm hứng và giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Ngoài các học bổng của Trường như học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách, học bổng KOCHARM, học bổng BIDV, Khoa còn chủ động thu hút nhiều học bổng nhằm giúp sinh viên theo đuổi định hướng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế vĩ mô, kế hoạch doanh, kinh tế phát triển, phát triển kỹ năng lập kế hoạch cho nghề nghiệp tương lai và tăng khả năng thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh doanh. Đồng thời, Khoa Kinh tế còn đẩy mạnh các buổi nói chuyện với chuyên gia cho các sinh viên khi học chuyên ngành nhằm bổ sung thêm các kiến thức, kinh nghiệm thực tế liên quan đến kinh tế vĩ mô, kế hoạch, đấu thầu, quản lý dự án cho SV. Ví dụ như: Luật đấu thầu và các nghị định liên quan; quy trình thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; phân cấp quản lý đầu tư công ở Việt Nam và hiệu quả đầu tư công; kế hoạch đầu tư trung hạn – nét mới trong quản lý đầu tư công ở Việt Nam...

### ***3.4.3. Hoạt động NCKH sinh viên***

Là một khoa trực thuộc của trường đại học định hướng nghiên cứu, sinh viên khoa Kinh tế luôn được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học. Hàng năm, khoa Kinh tế thu hút được 04-08 nhóm sinh viên tham gia NCKH, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu mới, phù hợp với thế mạnh nghiên cứu của giảng viên. Hội nghị NCKH sinh viên hàng năm đều được tổ chức với hệ thống các tiêu chí rõ ràng nhằm đánh giá công bằng và khách quan chất lượng các công trình NCKH.

Với lòng say mê NCKH và được sự hỗ trợ tích cực của các thầy cô, sinh viên Khoa Kinh tế đã đạt được các giải cao trong các mùa NCKH cấp Khoa và Học viện. Năm học 2018-2019 Khoa Kinh tế đã chọn 02 đề tài (1) Những yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên Học viện Chính sách và Phát triển do sinh viên Đỗ Thị Hương làm nhóm trưởng và (2) Nghiên cứu thành lập cơ quan độc lập giải quyết kiến nghị về đấu thầu do sinh viên Nguyễn Khánh Ly làm nhóm trưởng và đạt giải nhì và giải ba trong Hội nghị NCKH SV cấp Học viện.

## PHẦN 4: MA TRẬN LIÊN KẾT

### 4.1. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra																			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
2.1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x									
2.2													x	x	x	x	x	x		
2.3																			x	x
2.4						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
2.5																x	x			

#### 4.2. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

ST T	Mã số học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>																						
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x	x		x	x									x			x	x	
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	x	x	x		x		x											x	x	
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	x	x		x	x	x														
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	x	x		x	x	x														
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x	x	x		x										x			x	x	
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			x		x	x	x								x					
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	x	x	x		x										x			x	x	
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x		x		x										x					
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1																x				
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2																	x			
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3																		x		
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4																		x		
13	TOĐC06	Tin học đại cương			x																x	
14	TOCC05	Toán cao cấp			x		x															
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	x	x	x		x															
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x	x		x															
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng		x																	x	x
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1																			x	x
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2																			x	x
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3																			x	x
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>																						
<b>2.1 Kiến thức cơ sở khối ngành</b>																						
<b>2.2 Kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)</b>																						
21	CSCS11	Chính sách công	x	x			x															
22	QLCD01	Chuyên đề thực tế		x	x	x										x	x				x	x
23	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh			x	x										x					x	
24	QHĐL07	Địa lý Kinh tế			x			x								x						



### 4.3. Ma trận phương pháp giảng dạy đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY	CHUẨN ĐẦU RA																		
	KIẾN THỨC											KỸ NĂNG						PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC	
	KT CƠ BẢN					KT CHUYÊN SÂU						KN NGHỀ NGHIỆP			KN MỀM				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1. Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
2. Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
3. Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Mời chuyên gia nói chuyện chuyên đề						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Đi thực tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Làm bài tập			x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x
7. Tiểu luận/ Bài tập lớn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8. Làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9. Liên hệ thực tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10. Thực hiện mô phỏng						x	x	x	x	x	x				x			x	x

#### **4.4. Ma trận phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	CHUẨN ĐẦU RA																		
	KIẾN THỨC											KỸ NĂNG						PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC	
	KT CƠ BẢN					KT CHUYÊN SÂU						KN NGHỀ NGHI ỆP			KN MỀM				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1. Điểm danh (mức độ chuyên cần)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x							x	x
2. Thống kê số lần phát biểu (mức độ tích cực)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
3. Kiểm tra nhanh (mức độ hiểu bài)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Tiểu luận/Bài tập lớn/ Bài tập nhóm (mức độ hiểu bài, khả năng tư duy logic, tổng hợp, khả năng làm việc độc lập, khả năng làm việc nhóm)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Thuyết trình (kỹ năng truyền đạt thông tin, kỹ năng nghe, đặt câu hỏi, phản biện vấn đề)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Mô phỏng, đóng vai (mức độ hiểu bài, hiểu biết chung về các vấn đề xã hội, các kỹ năng mềm, khả năng làm việc nhóm, tinh thần, thái độ)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7. Thi kết thúc học phần (mức độ hiểu bài, khả năng trình bày, sử dụng các công cụ để phân tích, tổng hợp, đánh giá, hiểu biết vấn đề kinh tế - xã hội)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

## **PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

#### **5.1.1 Thời gian đào tạo**

Chương trình được thiết kế bao gồm 8 học kỳ chính, trong đó các học phần được phân bổ tương đối đồng đều trong các học kỳ từ học kỳ 1 đến học kỳ 8.

#### **5.1.2 Cách thức thực hiện**

Các học phần thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ (chiếm 33%), Kiến thức cơ sở ngành: 35 tín chỉ (chiếm 30%) được tập trung đào tạo trong 5 kỳ đầu tiên của khóa học. Các học phần thuộc kiến thức ngành: 16 tín chỉ (chiếm 12%); Kiến thức chuyên ngành: 34 tín chỉ (25%) được tập trung vào kỳ 6, kỳ 7 của khóa học. Đồng thời, kỳ kiến tập giữa khóa cũng được bố trí vào giữa kỳ 5 và kỳ 6 của khóa học. Trong kỳ 8, sinh viên sẽ tham gia thực tập kiến thức và kỹ năng làm việc ở cơ sở thực tế (4 tín chỉ), viết khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ). Kết thúc 8 kỳ học, sinh viên có thể tích lũy đủ 136 tín chỉ của chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế, chuyên ngành Đầu thầu.

Chi tiết kế hoạch đào tạo theo thời gian được thiết kế ở Khung chương trình đào tạo.

#### **5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp**

- Trong thời gian học tập tối đa của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.50 trở lên.
- Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức  $\geq 450$  điểm hoặc tương đương theo quy định.
- Đạt trình độ Tin học chứng chỉ IC3 hoặc MOS
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.

### **5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập**

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi kỳ học chính theo các tiêu chí sau:



☺ Khối lượng kiến thức học tập là tổng số tín chỉ của các môn học thuộc chương trình đào tạo (mà sinh viên đã đăng ký học trong kỳ)

☺ Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng tín chỉ của những môn học đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học

☺ Điểm trung bình học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong kỳ đó (bao gồm các học phần đánh giá loại đạt và không đạt)

☺ Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

- Đánh giá kết quả học phần:

☺ Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần: là trung bình của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ.....

☺ Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60% điểm của học phần

☺ Cách tính điểm học phần

≡ Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm thi theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẽ đến một chữ số thập phân.

≡ Điểm học phần là tổng điểm của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được qui định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A+, A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt)

- Cách tính điểm trung bình chung:

☺ Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A+ tương ứng với 4,0

A tương ứng với 3,7

B+ tương ứng với 3,5

B tương ứng với 3,0

C+ tương ứng với 2,5

C tương ứng với 2,0

D+ tương ứng với 1,5

D tương ứng với 1,0

F tương ứng với 0

☛ Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

i: là số thứ tự học phần

a<sub>i</sub>: là điểm của học phần thứ i

n<sub>i</sub>: là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần trong học kỳ hoặc tổng số học phần đã tích lũy.

Kết quả đánh giá học phần giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất, kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy. Điểm trung bình chung học kỳ được dùng để xét buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, đăng ký học bằng kép, học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ. Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét buộc thôi học, xếp loại học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

### **5.3. Phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần**

- Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

- Lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên, chẳng hạn sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Ngược lại, các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc lĩnh vực kinh tế, đầu thầu quản lý dự án, kế hoạch phát triển kinh tế và kế hoạch nguồn lực.

- Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo đều yêu cầu sinh viên tham gia trả lời các câu hỏi thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng bài, là cơ sở để đánh giá điểm chuyên cần của sinh viên. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

Bản hướng dẫn thực hiện chiến lược dạy và học cho CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Kinh tế, chuyên ngành Đầu thầu được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu theo chuẩn đầu ra đã tuyên bố, được tóm tắt trong bảng dưới đây

Năm học	Chuẩn đầu ra			Gợi ý cách thực hiện
	Kiến thức	Kỹ năng	Phẩm chất	
Năm thứ nhất	Các môn học thuộc khối kiến thức chung và tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu học chuyên môn bằng trong các năm tiếp theo.	<p>Trang bị cho sinh viên khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, kỹ năng quản lý công việc và thời gian cá nhân hiệu quả.</p> <p>Sinh viên có thể nhận thức được các chính sách, chủ trương của nhà nước liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục quốc phòng an ninh</p> <p>Sinh viên có thể dùng thành thạo Microsoft Office, một số thiết bị văn phòng thông</p>	Sinh viên được định hướng các phẩm chất nghề nghiệp như tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, trung thực, có lối sống tích cực, và có tinh thần hướng về cộng đồng	<p><b>Phương pháp giảng dạy:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- Đặt-giải quyết vấn đề</li> </ul> <p><b>Phương pháp học tập:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp</li> <li>- Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn.</li> <li>- Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau liên quan đến môn học theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học.</li> </ul> <p><b>Điều kiện dạy và học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học</li> </ul>

		dụng, giao tiếp thành thạo bằng Tiếng Anh.		<p>Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học thông qua môn học;</p> <p>Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan.</p> <p>Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai....</p> <p>Tham gia guest speaker</p>
Năm thứ Hai	Các môn học thuộc khối kiến thức theo lĩnh vực và kiến thức theo khối ngành, cơ sở ngành	<p>Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích định tính, định lượng, xác định vấn đề ưu tiên; tư duy phân tích đa chiều.</p> <p>Sinh viên được trang bị các kỹ năng phối hợp làm việc trong các nhóm khác nhau; kỹ năng thuyết trình; đề xuất ý tưởng; giao tiếp qua email và các phương tiện truyền</p>	<p>Đam mê nghiên cứu và khám phá kiến thức.</p> <p>Tự tin làm việc trong môi trường quốc tế.</p> <p>Khả năng làm việc độc lập và chủ động trong công việc</p>	<p><b>Phương pháp giảng dạy:</b></p> <p>Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kỹ năng sinh viên sẽ đạt được thông qua môn học;</p> <p>Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan.</p> <p>Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai....</p> <p>Tham gia guest speaker</p> <p><b>Phương pháp học tập:</b></p> <p>Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp</p> <p>Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn.</p> <p>Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác</p>

		thông		<p>nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học.</p> <p><b>Điều kiện dạy và học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học</li> <li>- Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học</li> <li>- Tổ chức các chuyến thực tế theo nhu cầu môn học, thực tập tại doanh nghiệp cho sinh viên.</li> <li>- Sinh viên được tạo điều kiện tham gia các chương trình học trao đổi với các trường có hợp tác NCKH và giảng dạy với các điều kiện: tiếng Anh C1, có điểm trung bình từ 3 trở lên và đáp yêu cầu của trường đối tác, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa. Điều kiện xét cho sinh viên toàn trường từ năm 2 trở đi.</li> </ul>
Năm thứ Ba	Các môn học thuộc khối kiến thức theo	Áp dụng các kiến thức cơ bản để phân	Có khả năng khám phá và nghiên cứu	<p><b>Phương pháp giảng dạy:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kỹ năng sinh viên sẽ đạt</li> </ul>

<p>và năm thứ Tư</p>	<p>ngành</p>	<p>tích, đánh giá tình hình tài chính, thị trường; tham gia đề xuất, và triển khai thực hiện hoạt động đấu thầu, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế, đánh giá hồ sơ dự thầu, quản lý dự án.</p> <p>Vận dụng kiến thức và kỹ năng được học để giải thích được các nguyên tắc kinh tế, phân tích kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô cơ bản và các khái niệm liên quan đến hệ thống các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và của doanh</p>	<p>kiến thức trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh;</p> <p>Năng lực tự học, tìm kiếm và xử lý thông tin đa chiều, quản lý thời gian cá nhân, phong cách làm việc chuyên nghiệp;</p> <p>Khả năng làm việc dưới áp lực cao và môi trường biến động;</p> <p>Khát vọng trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh</p> <p>Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy;</p>	<p>được thông qua môn học;</p> <p>Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan.</p> <p>Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai...</p> <p>Nghiên cứu tình huống, bài tập lớn, tiểu luận, phương pháp học tập theo dự án...</p> <p>Tham quan thực tế/ thực tập tại doanh nghiệp</p> <p><b>Phương pháp học tập:</b></p> <p>Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp</p> <p>Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn.</p> <p>Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/ thực tập liên quan đến môn học/ đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học.</p> <p>Tổ chức thực tập thực tế</p> <p><b>Điều kiện dạy và học:</b></p>
--------------------------	--------------	--	---	---

	<p>nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vận dụng kiến thức của kinh tế vi mô và vĩ mô, kiến thức tài chính, kiến thức phát triển kinh tế xã hội trong việc ra quyết định ngắn và dài hạn - theo từng trường hợp cụ thể.</li><li>- Biết cách lập các phương án sản xuất kinh doanh.</li><li>- Viết báo cáo, các kỹ năng cơ bản để vận dụng vào từng lĩnh vực cụ thể của quá trình học và chuẩn bị cho nghề nghiệp trong tương lai.</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>- Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học.</li><li>- Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học</li><li>- Tổ chức các đợt thực tế theo nhu cầu học phần, thực tập tại doanh nghiệp, các cơ quan quản lý cho sinh viên.</li><li>- Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề thực tiễn do các chuyên gia thực tiễn đảm nhiệm nhằm tăng kiến thức thực tiễn, kết hợp giữa đào tạo với thực tế.</li></ul>
--	--	--	---



		Trang bị cho sinh viên các kỹ năng tư duy phản biện; kỹ năng lãnh đạo nhóm và thích nghi với những thay đổi nghề nghiệp trong tương lai.		
--	--	--	--	--